

Số: 1689/QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

**BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

*Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2023/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Chánh Văn phòng Bộ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành và được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2024.

Thủ tục hành chính cấp tỉnh trong lĩnh vực Thi đua, khen thưởng có số thứ tự 47 và 48 điểm A7 mục A phần II ban hành kèm theo Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng, quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;
- Đài: THVN, TNVN;
- UBND các tỉnh/TP trực thuộc TW;
- Sở VHTTDL/Sở VHTT;
- Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, TCCB, TN.200.

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**



**Tạ Quang Đông**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ ĐƯỢC SỬA ĐỔI,  
BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA  
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**  
(Kèm theo Quyết định số 1689 /QĐ-BVHTTDL ngày 24 tháng 6 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**PHẦN I  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**I. Thủ tục hành chính mới ban hành**

| TT                                       | Tên TTHC                                                                                                               | Tên VBQPPL quy định                                     | Lĩnh vực             | Cơ quan thực hiện                       |
|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------|
| <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG</b> |                                                                                                                        |                                                         |                      |                                         |
| 1                                        | Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại đơn vị văn hóa, nghệ thuật thuộc các bộ) | Nghị định số 61/2024/NĐ-CP ngày 06/6/2024 của Chính phủ | Thi đua, khen thưởng | Đơn vị văn hóa, nghệ thuật thuộc các bộ |
| 2                                        | Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại đơn vị văn hóa, nghệ thuật thuộc các bộ)    |                                                         | Thi đua, khen thưởng |                                         |

**II. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung**

| TT                                 | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                                  | Tên VBQPPL quy định                                     | Lĩnh vực             | Cơ quan thực hiện                                                                                                                                                                              |
|------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b> |            |                                                                                           |                                                         |                      |                                                                                                                                                                                                |
| 1                                  | 1.001376   | Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương) | Nghị định số 61/2024/NĐ-CP ngày 06/6/2024 của Chính phủ | Thi đua, khen thưởng | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Đài Phát thanh, Đài Truyền hình, Đài Phát thanh - Truyền hình, đơn vị văn hóa, nghệ thuật thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương |
| 2                                  | 1.001108   | Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)    |                                                         | Thi đua, khen thưởng |                                                                                                                                                                                                |

## PHẦN II

### NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

#### A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

##### \* THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

**1. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại đơn vị văn hóa, nghệ thuật thuộc các bộ)**

##### a) Trình tự thực hiện

- Cá nhân quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2024 (sau đây gọi là Nghị định số 61/2024/NĐ-CP), gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trên môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ theo quy định đến đơn vị nơi cá nhân công tác hoặc công tác trước khi nghỉ hưu.

- Trường hợp hồ sơ cá nhân không hợp lệ, cần bổ sung, chỉnh sửa: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 07 ngày tính từ khi nhận lại hồ sơ, cá nhân nộp hồ sơ đã hoàn thiện đến cơ quan tiếp nhận.

- Các cơ quan chuyên môn thành lập các cấp Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” theo quy định tại Chương III Nghị định số 61/2024/NĐ-CP, gồm: Hội đồng cấp cơ sở, Hội đồng cấp bộ và Hội đồng cấp Nhà nước.

- Trình tự, thủ tục xét tặng tại Hội đồng cấp cơ sở (bao gồm các đơn vị: Nhà hát, Đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp thuộc các bộ; học viện, trường đào tạo văn hóa, nghệ thuật, đơn vị điện ảnh thuộc các bộ có chức năng nghiên cứu, đào tạo, sáng tạo văn hóa, nghệ thuật; cơ quan chuyên môn về hoạt động văn hóa, nghệ thuật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; cơ quan quản lý công tác văn hóa, nghệ thuật thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng):

+ Công khai danh sách cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” bằng hình thức niêm yết công khai hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn nhận hồ sơ của cá nhân theo thời gian quy định để lấy ý kiến của Nhân dân.

+ Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị của Nhân dân trong thời gian 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn công khai danh sách cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” bằng hình thức niêm yết công khai hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

+ Xem xét, đánh giá từng hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP trong thời gian 10 ngày kể từ ngày cơ quan thường trực Hội đồng báo cáo xin ý kiến các thành viên Hội đồng về hồ sơ.

+ Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp, Hội đồng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét tặng đến các cá nhân có hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”.

+ Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian 20 ngày kể từ ngày thông báo kết quả xét tặng của Hội đồng.

+ Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tiếp nhận, xử lý các kiến nghị, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” đạt từ 80% phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp, gửi cơ quan thường trực Hội đồng cấp bộ.

- Trình tự, thủ tục xét tặng tại Hội đồng cấp bộ và Hội đồng cấp Nhà nước lần lượt thực hiện theo Điều 15 và 16 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP.

- Việc tổ chức Lễ trao tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trên môi trường điện tử.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Thành phần hồ sơ:

1) Tờ khai đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” theo Mẫu số 1a tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 61/2024/NĐ-CP.

2) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu chính hoặc trên môi trường điện tử) các quyết định tặng giải thưởng quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP.

3) Bản xác nhận của Thủ trưởng đơn vị về sự tham gia của cá nhân trong các tác phẩm nghệ thuật đạt giải Vàng hoặc Bạc tại cuộc thi, liên hoan, hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp dùng để quy đổi khi tính thành tích cho cá nhân tham gia quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP (nếu có).

4) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp gửi hồ sơ qua bưu chính hoặc trên môi trường điện tử) các quyết định về danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết**

- Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” tại Hội đồng cấp cơ sở không quá 70 ngày.

- Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” tại Hội đồng cấp tỉnh không quá 85 ngày.

- Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” tại Hội đồng cấp Nhà nước gồm 2 bước, cụ thể như sau:

+ Bước 1: Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” tại Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước không quá 115 ngày.

+ Bước 2: Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” tại Hội đồng cấp Nhà nước không quá 100 ngày.

- Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” được xét tặng và công bố 03 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**đ) Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP.

**e) Cơ quan thực hiện TTHC**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước

- Cơ quan trực tiếp thực hiện bước đầu: Nhà hát, Đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp thuộc các bộ; học viện, trường đào tạo văn hóa, nghệ thuật, đơn vị điện ảnh thuộc các bộ có chức năng nghiên cứu, đào tạo, sáng tạo văn hóa, nghệ thuật; cơ quan chuyên môn về hoạt động văn hóa, nghệ thuật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; cơ quan quản lý công tác văn hóa, nghệ thuật thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

**g) Kết quả thực hiện TTHC:** Huy hiệu, Bằng chứng nhận của Chủ tịch nước, tiền thưởng và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

**h) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, tờ khai:** Tờ khai đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” theo Mẫu số 1a tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 61/2024/NĐ-CP.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC**

Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng nghệ thuật xuất sắc, có nhiều cống hiến cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam, được đồng nghiệp và Nhân dân mến mộ;

- Có thời gian hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật từ 20 năm trở lên hoặc từ 15 năm trở lên đối với loại hình nghệ thuật xiếc, múa;

- Sau khi được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”, tiếp tục được tặng giải thưởng của các cuộc thi, liên hoan, hội diễn nghệ thuật trong nước hoặc ngoài nước hoặc có tác phẩm xuất sắc có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật được công chúng yêu thích, đón nhận.

Tiêu chuẩn trên quy định chi tiết tại Điều 7 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022.

- Nghị định số 61/2024/NĐ-CP ngày 06/6/2024 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**TỜ KHAI**  
**ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ SĨ NHÂN DÂN”**

---

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên (khai sinh):.....
2. Tên thường gọi hoặc nghệ danh, bí danh:.....
3. Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân:.....
4. Đơn vị công tác:.....
5. Chức vụ hiện nay:.....
6. Trình độ đào tạo:.....chuyên ngành:.....
7. Chức danh nghệ thuật đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”:.....
8. Năm tham gia công tác:.....
9. Năm tham gia hoạt động văn hóa, nghệ thuật:.....
10. Năm được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”:.....
11. Điện thoại liên hệ: .....
12. Địa chỉ liên hệ:.....

**II. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

Kê khai về quá trình công tác (chức vụ, nơi công tác) và thời gian trực tiếp làm văn hóa, nghệ thuật (các chức danh nghệ thuật trong từng giai đoạn), đặc biệt là thời gian từ sau khi được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” đến nay:

| <b>Thời gian</b><br>(Từ tháng, năm...<br>đến tháng, năm...) | <b>Cơ quan</b><br><b>công tác</b> | <b>Chức danh nghệ thuật, chức vụ</b> |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|
|                                                             |                                   |                                      |
|                                                             |                                   |                                      |

### III. KHEN THƯỞNG

Kê khai thành tích khen thưởng từ sau khi được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” đến thời điểm nộp hồ sơ

1. Khen thưởng chung (*Nêu các hình thức khen thưởng từ Bằng khen cấp bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên*):

| Năm | Hình thức khen thưởng | Số quyết định tặng khen thưởng<br>(Cơ quan tổ chức; nơi tổ chức,<br>năm tổ chức) |
|-----|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |                                                                                  |
|     |                       |                                                                                  |

2. Khen thưởng về văn hóa, nghệ thuật (*Nêu tên giải thưởng chính thức tại các cuộc thi triển lãm, liên hoan, hội diễn văn hóa, nghệ thuật chuyên nghiệp; tên tác phẩm được giải thưởng; chức danh của cá nhân tham gia vở diễn, chương trình nghệ thuật và bộ phim được giải thưởng*):

| Năm | Tên Giải thưởng | Tên tác phẩm được giải | Cơ quan quyết định tặng Giải thưởng<br>(Năm tổ chức) | Chức danh cá nhân tham gia tác phẩm<br>(Đối với tác phẩm nghệ thuật tập thể) |
|-----|-----------------|------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
|     |                 |                        |                                                      |                                                                              |
|     |                 |                        |                                                      |                                                                              |

### IV. KỶ LUẬT (*Nêu các hình thức kỷ luật nếu có*):

.....

Tôi xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng sự thật.

**Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị**

(Đối với cá nhân đang công tác  
hoặc đã nghỉ hưu tại đơn vị)  
(Ký tên, đóng dấu)

(Địa danh), ngày..... tháng..... năm....

**Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

## **2. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại đơn vị văn hóa, nghệ thuật thuộc các bộ)**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Cá nhân quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2024 (sau đây gọi là Nghị định số 61/2024/NĐ-CP), gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trên môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ theo quy định đến đơn vị nơi cá nhân đó công tác hoặc công tác trước khi nghỉ hưu.

- Trường hợp hồ sơ cá nhân không hợp lệ, cần bổ sung, chỉnh sửa: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 07 ngày tính từ khi nhận lại hồ sơ, cá nhân nộp hồ sơ đã hoàn thiện đến cơ quan tiếp nhận.

- Các cơ quan chuyên môn thành lập các cấp Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” theo quy định tại Chương III Nghị định số 61/2024/NĐ-CP, gồm: Hội đồng cấp cơ sở, Hội đồng cấp bộ và Hội đồng cấp Nhà nước.

- Trình tự, thủ tục xét tặng tại Hội đồng cấp cơ sở (bao gồm các đơn vị: Nhà hát, Đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp thuộc các bộ; học viện, trường đào tạo văn hóa, nghệ thuật, đơn vị điện ảnh thuộc các bộ có chức năng nghiên cứu, đào tạo, sáng tạo văn hóa, nghệ thuật; cơ quan chuyên môn về hoạt động văn hóa, nghệ thuật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; cơ quan quản lý công tác văn hóa, nghệ thuật thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng):

+ Công khai danh sách cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” bằng hình thức niêm yết công khai hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn nhận hồ sơ của cá nhân theo thời gian quy định để lấy ý kiến của Nhân dân.

+ Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị của Nhân dân trong thời gian 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn công khai danh sách cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” bằng hình thức niêm yết công khai hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

+ Xem xét, đánh giá từng hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP trong thời gian 10 ngày kể từ ngày cơ quan thường trực Hội đồng báo cáo xin ý kiến các thành viên Hội đồng về hồ sơ.

+ Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp, Hội đồng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét tặng đến các cá nhân có hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”.

+ Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian 20 ngày kể từ ngày thông báo kết quả xét tặng của Hội đồng.

+ Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tiếp nhận, xử lý các kiến nghị, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” đạt từ 80%

phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp, gửi cơ quan thường trực Hội đồng cấp bộ.

- Trình tự, thủ tục xét tặng tại Hội đồng cấp bộ và Hội đồng cấp Nhà nước lần lượt thực hiện theo Điều 15 và 16 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP.

- Việc tổ chức Lễ trao tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trên môi trường điện tử.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Thành phần hồ sơ:

1) Tờ khai đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” theo Mẫu số 1b tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 61/2024/NĐ-CP.

2) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu chính hoặc trên môi trường điện tử) các quyết định tặng giải thưởng quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP.

3) Bản xác nhận của Thủ trưởng đơn vị về sự tham gia của cá nhân trong các tác phẩm nghệ thuật đạt giải Vàng hoặc Bạc tại cuộc thi, liên hoan, hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp dùng để quy đổi khi tính thành tích cho cá nhân tham gia quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP (nếu có).

4) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp gửi hồ sơ qua bưu chính hoặc trên môi trường điện tử) các quyết định về danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết**

- Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp cơ sở không quá 70 ngày.

- Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp tỉnh không quá 85 ngày.

- Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp Nhà nước gồm 2 bước, cụ thể như sau:

+ Bước 1: Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng chuyên ngành cấp nhà nước không quá 115 ngày.

+ Bước 2: Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp nhà nước không quá 100 ngày.

- Danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” được xét tặng và công bố 03 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**đ) Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP

**e) Cơ quan thực hiện TTHC**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước

- Cơ quan trực tiếp thực hiện bước đầu: Nhà hát, Đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp thuộc các bộ; học viện, trường đào tạo văn hóa, nghệ thuật, đơn vị điện ảnh thuộc các bộ có chức năng nghiên cứu, đào tạo, sáng tạo văn hóa, nghệ thuật; cơ quan chuyên môn về hoạt động văn hóa, nghệ thuật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; cơ quan quản lý công tác văn hóa, nghệ thuật thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

**g) Kết quả thực hiện TTHC:** Huy hiệu, Bằng chứng nhận của Chủ tịch nước, tiền thưởng và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

**h) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, tờ khai:** Tờ khai đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” theo Mẫu số 1b tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 61/2024/NĐ-CP.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC**

Danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng nghệ thuật, có tinh thần phục vụ Nhân dân, được đồng nghiệp và Nhân dân mến mộ;

- Có thời gian hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật từ 15 năm trở lên hoặc từ 10 năm trở lên đối với loại hình nghệ thuật xiếc, múa; được tặng giải thưởng của các cuộc thi, liên hoan, hội diễn nghệ thuật trong nước hoặc ngoài nước hoặc có tác phẩm xuất sắc có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật được công chúng yêu thích, đón nhận.

Tiêu chuẩn trên quy định chi tiết tại Điều 8 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP.

**l) Căn cứ pháp lý của TTHC**

- Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022.

- Nghị định số 61/2024/NĐ-CP ngày 06/6/2024 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.

Ảnh màu  
4 x 6  
(đóng dấu  
giáp lại)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ SĨ UUUUU”**

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên (khai sinh):.....
2. Tên thường gọi hoặc nghệ danh, bí danh:.....
3. Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân.....
4. Đơn vị công tác:.....
5. Chức vụ hiện nay:.....
6. Trình độ đào tạo:.....chuyên ngành:.....
7. Chức danh nghệ thuật đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”:.....
8. Năm tham gia công tác:.....
9. Năm tham gia hoạt động văn hóa, nghệ thuật:.....
10. Điện thoại liên hệ:.....
11. Địa chỉ liên hệ:.....

**II. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

Kê khai về quá trình công tác (chức vụ, nơi công tác) và thời gian trực tiếp làm văn hóa, nghệ thuật (các chức danh nghệ thuật trong từng giai đoạn).

| Thời gian<br>(Từ tháng, năm...<br>đến tháng, năm...) | Cơ quan<br>công tác | Chức danh nghệ thuật, chức vụ |
|------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------|
| .....                                                |                     |                               |
|                                                      |                     |                               |

### III. KHEN THƯỞNG

1. Khen thưởng chung (Nêu các hình thức khen thưởng từ Bằng khen cấp bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên):

| Năm | Hình thức<br>khen thưởng | Số quyết định tặng khen thưởng<br>(Cơ quan tổ chức; nơi tổ chức, năm<br>tổ chức) |
|-----|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
|     |                          |                                                                                  |
|     |                          |                                                                                  |

2. Khen thưởng về văn hóa, nghệ thuật (Nêu tên giải thưởng chính thức tại các cuộc thi triển lãm, liên hoan, hội diễn văn hóa, nghệ thuật chuyên nghiệp; tên tác phẩm được giải thưởng; chức danh của cá nhân tham gia vở diễn, chương trình nghệ thuật và bộ phim được giải thưởng):

| Năm | Tên<br>Giải thưởng | Tên<br>tác phẩm<br>được giải | Cơ quan<br>quyết định tặng<br>Giải thưởng<br>(Năm tổ chức) | Chức danh cá nhân<br>tham gia tác phẩm<br>(Đối với tác phẩm nghệ<br>thuật tập thể) |
|-----|--------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                    |                              |                                                            |                                                                                    |
|     |                    |                              |                                                            |                                                                                    |

### IV. KÝ LUẬT (Nêu các hình thức kỷ luật nếu có):

.....

Tôi xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng sự thật.

**Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị**  
(Đối với cá nhân đang công tác  
hoặc đã nghỉ hưu tại đơn vị)  
(Ký tên, đóng dấu)

(Địa danh), ngày..... tháng..... năm....  
**Người khai**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

## **B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

### **\* THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

#### **1. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)**

##### **a) Trình tự thực hiện**

- Cá nhân quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 61/2024/NĐ-CP), gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trên môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP đến đơn vị nơi cá nhân đó công tác.

- Cá nhân quy định tại các điểm b, d và đ khoản 1 Điều 2 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP, gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trên môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao nơi cá nhân đó cư trú.

- Cá nhân quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP đã nghỉ hưu, gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trên môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP đến đơn vị nơi cá nhân đó công tác trước khi nghỉ hưu hoặc đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao nơi cá nhân đó cư trú.

- Trường hợp hồ sơ cá nhân không hợp lệ, cần bổ sung, chỉnh sửa: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 07 ngày tính từ khi nhận lại hồ sơ, cá nhân nộp hồ sơ đã hoàn thiện đến cơ quan tiếp nhận.

- Các cơ quan chuyên môn thành lập các cấp Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” theo quy định tại Chương III Nghị định số 61/2024/NĐ-CP, gồm: Hội đồng cấp cơ sở, Hội đồng cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Hội đồng cấp tỉnh) và Hội đồng cấp Nhà nước.

- Trình tự, thủ tục xét tặng tại Hội đồng cấp cơ sở (bao gồm các đơn vị: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Đài Phát thanh, Đài Truyền hình, Đài Phát thanh - Truyền hình; Nhà hát, Đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp; học viện, trường đào tạo văn hóa, nghệ thuật, đơn vị điện ảnh có chức năng nghiên cứu, đào tạo, sáng tạo văn hóa, nghệ thuật thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương):

+ Công khai danh sách cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” bằng hình thức niêm yết công khai hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn nhận hồ sơ của cá nhân theo thời gian quy định để lấy ý kiến của Nhân dân.

+ Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị của Nhân dân trong thời gian 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn công khai danh sách cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” bằng hình thức niêm yết công khai hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

+ Xem xét, đánh giá từng hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP trong thời gian 10 ngày kể từ ngày cơ quan thường trực Hội đồng báo cáo xin ý kiến các thành viên Hội đồng về hồ sơ.

+ Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp, Hội đồng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét tặng đến các cá nhân có hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”.

+ Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian 20 ngày kể từ ngày thông báo kết quả xét tặng của Hội đồng.

+ Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tiếp nhận, xử lý các kiến nghị, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” đạt từ 80% phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp, gửi cơ quan thường trực Hội đồng cấp tỉnh.

- Trình tự, thủ tục xét tặng tại Hội đồng cấp tỉnh và Hội đồng cấp Nhà nước lần lượt thực hiện theo Điều 15 và 16 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP.

- Việc tổ chức Lễ trao tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trên môi trường điện tử.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Thành phần hồ sơ:

1) Tờ khai đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” theo Mẫu số 1a tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 61/2024/NĐ-CP.

2) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu chính hoặc trên môi trường điện tử) các quyết định tặng giải thưởng quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP.

3) Bản xác nhận của Thủ trưởng đơn vị về sự tham gia của cá nhân trong các tác phẩm nghệ thuật đạt giải Vàng hoặc Bạc tại cuộc thi, liên hoan, hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp dùng để quy đổi khi tính thành tích cho cá nhân tham gia quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP (nếu có).

4) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp gửi hồ sơ qua bưu chính hoặc trên môi trường điện tử) các quyết định về danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết**

- Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” tại Hội đồng cấp cơ sở không quá 70 ngày.

- Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” tại Hội đồng cấp tỉnh không quá 85 ngày.

- Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” tại Hội đồng cấp Nhà nước gồm 2 bước, cụ thể như sau:

+ Bước 1: Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” tại Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước không quá 115 ngày.

+ Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” tại Hội đồng cấp Nhà nước không quá 100 ngày.

- Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” được xét tặng và công bố 03 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**đ) Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP

**e) Cơ quan thực hiện TTHC**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước

- Cơ quan trực tiếp thực hiện bước đầu: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Đài Phát thanh, Đài Truyền hình, Đài Phát thanh - Truyền hình; Nhà hát, Đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp; học viện, trường đào tạo văn hóa, nghệ thuật, đơn vị điện ảnh có chức năng nghiên cứu, đào tạo, sáng tạo văn hóa, nghệ thuật thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

**g) Kết quả thực hiện TTHC:** Huy hiệu, Bằng chứng nhận của Chủ tịch nước, tiền thưởng và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

**h) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, tờ khai:** Tờ khai đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” theo Mẫu số 1a tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 61/2024/NĐ-CP.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC**

Danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng nghệ thuật xuất sắc, có nhiều cống hiến cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam, được đồng nghiệp và Nhân dân mến mộ;

- Có thời gian hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật từ 20 năm trở lên hoặc từ 15 năm trở lên đối với loại hình nghệ thuật xiếc, múa;

- Sau khi được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”, tiếp tục được tặng giải thưởng của các cuộc thi, liên hoan, hội diễn nghệ thuật trong nước hoặc ngoài nước hoặc có tác phẩm xuất sắc có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật được công chúng yêu thích, đón nhận.

*Tiêu chuẩn trên quy định chi tiết tại Điều 7 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP.*

***l) Căn cứ pháp lý của TTHC***

- Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022.
- Nghị định số 61/2024/NĐ-CP ngày 06/6/2024 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.

*Phần chữ thường in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

Ảnh mẫu  
4 x 6  
(đóng dấu  
giáp lại)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ SĨ NHÂN DÂN”**

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên (khai sinh):.....
2. Tên thường gọi hoặc nghệ danh, bí danh:.....
3. Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân:.....
4. Đơn vị công tác:.....
5. Chức vụ hiện nay:.....
6. Trình độ đào tạo:.....chuyên ngành:.....
7. Chức danh nghệ thuật đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”:.....
8. Năm tham gia công tác:.....
9. Năm tham gia hoạt động văn hóa, nghệ thuật:.....
10. Năm được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”:.....
11. Điện thoại liên hệ: .....
12. Địa chỉ liên hệ:.....

**II. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

Kê khai về quá trình công tác (chức vụ, nơi công tác) và thời gian trực tiếp làm văn hóa, nghệ thuật (các chức danh nghệ thuật trong từng giai đoạn), đặc biệt là thời gian từ sau khi được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” đến nay:

| <b>Thời gian</b><br>(Từ tháng, năm...<br>đến tháng, năm...) | <b>Cơ quan</b><br><b>công tác</b> | <b>Chức danh nghệ thuật, chức vụ</b> |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|
|                                                             |                                   |                                      |
|                                                             |                                   |                                      |

### III. KHEN THƯỞNG

Kê khai thành tích khen thưởng từ sau khi được tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” đến thời điểm nộp hồ sơ

1. Khen thưởng chung (Nêu các hình thức khen thưởng từ Bằng khen cấp bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên):

| Năm | Hình thức khen thưởng | Số quyết định tặng khen thưởng<br>(Cơ quan tổ chức; nơi tổ chức,<br>năm tổ chức) |
|-----|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
|     |                       |                                                                                  |
|     |                       |                                                                                  |

2. Khen thưởng về văn hóa, nghệ thuật (Nêu tên giải thưởng chính thức tại các cuộc thi triển lãm, liên hoan, hội diễn văn hóa, nghệ thuật chuyên nghiệp; tên tác phẩm được giải thưởng; chức danh của cá nhân tham gia vở diễn, chương trình nghệ thuật và bộ phim được giải thưởng):

| Năm | Tên Giải thưởng | Tên tác phẩm được giải | Cơ quan quyết định tặng Giải thưởng<br>(Năm tổ chức) | Chức danh cá nhân tham gia tác phẩm<br>(Đối với tác phẩm nghệ thuật tập thể) |
|-----|-----------------|------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
|     |                 |                        |                                                      |                                                                              |
|     |                 |                        |                                                      |                                                                              |

### IV. KỶ LUẬT (Nêu các hình thức kỷ luật nếu có):

.....

Tôi xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng sự thật.

**Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị**

(Đối với cá nhân đang công tác  
hoặc đã nghỉ hưu tại đơn vị)  
(Ký tên, đóng dấu)

(Địa danh), ngày..... tháng..... năm....

**Người khai**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch  
hoặc Sở Văn hóa và Thể thao**

(Đối với cá nhân hoạt động nghệ thuật tự do  
hoặc đã nghỉ hưu, nộp hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu tại địa phương)  
(Ký tên, đóng dấu)

## **2. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Cá nhân quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 61/2024/NĐ-CP), gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trên môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP đến đơn vị nơi cá nhân đó công tác.

- Cá nhân quy định tại các điểm b, d và đ khoản 1 Điều 2 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP, gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trên môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao nơi cá nhân đó cư trú.

- Cá nhân quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP đã nghỉ hưu, gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trên môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP đến đơn vị nơi cá nhân đó công tác trước khi nghỉ hưu hoặc đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao nơi cá nhân đó cư trú.

- Trường hợp hồ sơ cá nhân không hợp lệ, cần bổ sung, chỉnh sửa: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để cá nhân hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 07 ngày tính từ khi nhận lại hồ sơ, cá nhân nộp hồ sơ đã hoàn thiện đến cơ quan tiếp nhận.

- Các cơ quan chuyên môn thành lập các cấp Hội đồng xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” theo quy định tại Chương III Nghị định số 61/2024/NĐ-CP, gồm: Hội đồng cấp cơ sở, Hội đồng cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Hội đồng cấp tỉnh) và Hội đồng cấp Nhà nước.

- Trình tự, thủ tục xét tặng tại Hội đồng cấp cơ sở (bao gồm các đơn vị: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Đài Phát thanh, Đài Truyền hình, Đài Phát thanh - Truyền hình; Nhà hát, Đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp; học viện, trường đào tạo văn hóa, nghệ thuật, đơn vị điện ảnh có chức năng nghiên cứu, đào tạo, sáng tạo văn hóa, nghệ thuật thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương):

+ Công khai danh sách cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” bằng hình thức niêm yết công khai hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị trong thời gian 10 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn nhận hồ sơ của cá nhân theo thời gian quy định để lấy ý kiến của Nhân dân.

+ Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị của Nhân dân trong thời gian 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn công khai danh sách cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” bằng hình thức niêm yết công khai hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

+ Xem xét, đánh giá từng hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP trong thời gian 10 ngày kể từ ngày cơ quan thường trực Hội đồng báo cáo xin ý kiến các thành viên Hội đồng về hồ sơ.

+ Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp, Hội đồng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét tặng đến các cá nhân có hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”.

+ Tiếp nhận, xử lý các kiến nghị trong thời gian 20 ngày kể từ ngày thông báo kết quả xét tặng của Hội đồng.

+ Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tiếp nhận, xử lý các kiến nghị, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” đạt từ 80% phiếu đồng ý của tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp, gửi cơ quan thường trực Hội đồng cấp tỉnh.

- Trình tự, thủ tục xét tặng tại Hội đồng cấp tỉnh và Hội đồng cấp Nhà nước lần lượt thực hiện theo Điều 15 và 16 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP.

- Việc tổ chức Lễ trao tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện.

**b) Cách thức thực hiện:** Gửi trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc trên môi trường điện tử.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- Thành phần hồ sơ:

1) Tờ khai đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” theo Mẫu số 1b tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 61/2024/NĐ-CP.

2) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu chính hoặc trên môi trường điện tử) các quyết định tặng giải thưởng quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP.

3) Bản xác nhận của Thủ trưởng đơn vị về sự tham gia của cá nhân trong các tác phẩm nghệ thuật đạt giải Vàng hoặc Bạc tại cuộc thi, liên hoan, hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp dùng để quy đổi khi tính thành tích cho cá nhân tham gia quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP (nếu có).

4) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực (trường hợp gửi hồ sơ qua bưu chính hoặc trên môi trường điện tử) các quyết định về danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

**d) Thời hạn giải quyết**

- Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp cơ sở không quá 70 ngày.

- Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp tỉnh không quá 85 ngày.

- Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp Nhà nước gồm 2 bước, cụ thể như sau:

+ Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng chuyên ngành cấp Nhà nước không quá 115 ngày.

+ Thời gian tổ chức hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” tại Hội đồng cấp Nhà nước không quá 100 ngày.

- Danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” được xét tặng và công bố 03 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**đ) Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân quy định tại khoản 2 điều 2 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP

**e) Cơ quan thực hiện TTHC**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch nước

- Cơ quan trực tiếp thực hiện bước đầu: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Đài Phát thanh, Đài Truyền hình, Đài Phát thanh - Truyền hình; Nhà hát, Đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp; học viện, trường đào tạo văn hóa, nghệ thuật, đơn vị điện ảnh có chức năng nghiên cứu, đào tạo, sáng tạo văn hóa, nghệ thuật thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

**g) Kết quả thực hiện TTHC:** Huy hiệu, Bằng chứng nhận của Chủ tịch nước, tiền thưởng và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

**h) Phí, lệ phí:** Không quy định.

**i) Tên mẫu đơn, tờ khai:** Tờ khai đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” theo Mẫu số 1b tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 61/2024/NĐ-CP.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC**

Danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- Trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có tài năng nghệ thuật, có tinh thần phục vụ Nhân dân, được đồng nghiệp và Nhân dân mến mộ;

- Có thời gian hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật từ 15 năm trở lên hoặc từ 10 năm trở lên đối với loại hình nghệ thuật xiếc, múa; được tặng giải thưởng của các cuộc thi, liên hoan, hội diễn nghệ thuật trong nước hoặc ngoài nước hoặc có tác phẩm xuất sắc có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật được công chúng yêu thích, đón nhận.

*Tiêu chuẩn trên quy định chi tiết tại Điều 8 Nghị định số 61/2024/NĐ-CP.*

***l) Căn cứ pháp lý của TTHC***

- Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022.

- Nghị định số 61/2024/NĐ-CP ngày 06/6/2024 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”.

*Phân chữ thường in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**  
**ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU “NGHỆ SĨ UUUUU”**

1. Họ và tên (khai sinh):.....
2. Tên thường gọi hoặc nghệ danh, bí danh:.....
3. Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân.....
4. Đơn vị công tác:.....
5. Chức vụ hiện nay:.....
6. Trình độ đào tạo:.....chuyên ngành:.....
7. Chức danh nghệ thuật đề nghị xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú”:.....
8. Năm tham gia công tác:.....
9. Năm tham gia hoạt động văn hóa, nghệ thuật:.....
10. Điện thoại liên hệ:.....
11. Địa chỉ liên hệ:.....

Kê khai về quá trình công tác (chức vụ, nơi công tác) và thời gian trực tiếp làm văn hóa, nghệ thuật (các chức danh nghệ thuật trong từng giai đoạn).

| <b>Thời gian</b><br>(Từ tháng, năm...<br>đến tháng, năm...) | <b>Cơ quan<br/>công tác</b> | <b>Chức danh nghệ thuật, chức vụ</b> |
|-------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|
| .....                                                       |                             |                                      |
|                                                             |                             |                                      |

### III. KHEN THƯỞNG

1. Khen thưởng chung (Nêu các hình thức khen thưởng từ Bằng khen cấp bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên):

| Năm | Hình thức<br>khen thưởng | Số quyết định tặng khen thưởng<br>(Cơ quan tổ chức; nơi tổ chức, năm<br>tổ chức) |
|-----|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
|     |                          |                                                                                  |
|     |                          |                                                                                  |

2. Khen thưởng về văn hóa, nghệ thuật (Nêu tên giải thưởng chính thức tại các cuộc thi triển lãm, liên hoan, hội diễn văn hóa, nghệ thuật chuyên nghiệp; tên tác phẩm được giải thưởng; chức danh của cá nhân tham gia vở diễn, chương trình nghệ thuật và bộ phim được giải thưởng):

| Năm | Tên<br>Giải thưởng | Tên<br>tác phẩm<br>được giải | Cơ quan<br>quyết định tặng<br>Giải thưởng<br>(Năm tổ chức) | Chức danh cá nhân<br>tham gia tác phẩm<br>(Đối với tác phẩm nghệ<br>thuật tập thể) |
|-----|--------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                    |                              |                                                            |                                                                                    |
|     |                    |                              |                                                            |                                                                                    |

### IV. KÝ LUẬT (Nêu các hình thức kỷ luật nếu có):

.....

Tôi xin cam đoan những kê khai trên đây là đúng sự thật.

**Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị**  
(Đối với cá nhân đang công tác  
hoặc đã nghỉ hưu tại đơn vị)  
(Ký tên, đóng dấu)

(Địa danh), ngày..... tháng..... năm....

**Người khai**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch  
hoặc Sở Văn hóa và Thể thao**  
(Đối với cá nhân hoạt động nghệ thuật tự do  
hoặc đã nghỉ hưu, nộp hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu tại địa phương)  
(Ký tên, đóng dấu)